

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/3/2024

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

Ông Trần Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Thư ký TAND quận N, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29/03/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 78/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78A/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07/03/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Minh T** – Sinh năm: 1979 – Địa chỉ: Tổ 51 phường H, quận N, TP. Đà Nẵng; *Có mặt.*

- Bị đơn: Ông **Mai Đăng H** - Sinh năm: 1978 – Địa chỉ: Tổ 51 phường H, quận N, TP. Đà Nẵng; *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị Minh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Minh T và ông Mai Đăng H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2001. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận S, TP. Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông, bà sinh sống và làm việc tại 362 đường N từ năm 2001. Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc. Đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân xuất phát từ việc không hiểu nhau, bản thân ông H không cùng chung sức với bà để lo làm ăn và nuôi dạy con cái. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông H nữa. Do đó bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông H.

- Về quan hệ con chung: Bà Phạm Thị Minh T xác định bà và ông Mai Đăng H có 04 con chung: Mai Chấn P - Sinh ngày: 07/08/2001; Mai Chấn T – Sinh ngày: 04/12/2006; Mai Thạch T – sinh ngày: 29/06/2009 và Mai Thịnh M –

sinh ngày: 06/01/2017. Ly hôn bà T có nguyện vọng được nuôi dưỡng 03 con Mai Chấn T; Mai Thạch T và Mai Thịnh M và yêu cầu ông Mai Đăng H cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng/03 con đến khi ba cháu đủ 18 tuổi. Đối với cháu Mai Chấn P vì đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà Phạm Thị Minh T xác định không có.

- Về nợ chung: Bà Phạm Thị Minh T xác định không có.

* *Đối với bị đơn – ông Mai Đăng H:* mặc dù đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Mai Đăng H đều vắng mặt và không có ý kiến phản hồi nên không ghi nhận được ý kiến của ông về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.* Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật, riêng bị đơn ông Mai Đăng H không chấp hành triệu tập của Tòa án, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Minh T đối với ông Mai Đăng H về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”*:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Minh T đối với ông Mai Đăng H

- Về quan hệ con chung: Áp dụng điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao 03 con chung là: Mai Chấn T – Sinh ngày: 04/12/2006; Mai Thạch T – sinh ngày: 29/06/2009 và Mai Thịnh M – sinh ngày: 06/01/2017 cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, yêu cầu ông Mai Đăng H cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/03 con (1.000.000 đồng/tháng/con) cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Đối với cháu Mai Chấn P đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Minh T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Tại phiên tòa ông Mai Đăng H vắng mặt nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] **Về thủ tục:** Đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Minh T nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Mai Đăng H là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông Mai Đăng H vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] **Về nội dung:** Bà Phạm Thị Minh T và ông Mai Đăng H đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại UBND phường M, quận S, TP. Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số: 15 cấp ngày 09/03/2001. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông, bà sinh sống và làm việc tại 362 đường N từ năm 2001. Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc. Đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân xuất phát từ việc không hiểu nhau, bản thân ông H không cùng chung sức với bà để lo làm ăn và nuôi dạy con cái. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm của bà T đối với ông Mai Đăng H không còn, do đó bà xin được ly hôn với ông Mai Đăng H.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Minh T đối với ông Mai Đăng H thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan T, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa bà Phạm Thị Minh T và ông Mai Đăng H lại không làm được điều này. Qua xác minh được biết giữa bà T và ông H có mâu thuẫn xảy ra, hiện tại cả hai ông bà đã sống ly thân mỗi người mỗi nơi. Về phía ông Mai Đăng H, Tòa án đã tạo điều kiện nhiều lần để vợ chồng hòa giải mâu thuẫn, trở về đoàn tụ chung sống với nhau nhưng ông Mai Đăng H đều vắng mặt tại các phiên hòa giải. Việc này cho thấy ông Mai Đăng H không tôn trọng Tòa án và thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, không có thiện chí níu kéo mối quan hệ hôn nhân của mình. Xét thấy, mâu thuẫn của bà Phạm Thị Minh T và ông Mai Đăng H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Minh T đối với ông Mai Đăng H là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] **Về con chung:** Bà Phạm Thị Minh T xác định bà và ông Mai Đăng H có 04 con chung: Mai Chấn P - Sinh ngày: 07/08/2001; Mai Chấn T – Sinh ngày: 04/12/2006; Mai Thạch T – sinh ngày: 29/06/2009 và Mai Thịnh M – sinh ngày: 06/01/2017. Ly hôn bà T có nguyện vọng được nuôi dưỡng 03 con Mai Chấn T; Mai Thạch T và Mai Thịnh M và yêu cầu ông Mai Đăng H cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/03 con (1.000.000 đồng/tháng/con) đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Đối với cháu Mai Chấn P vì đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa xem xét.

Xét yêu cầu của bà T về việc xin được nuôi con chung thì thấy: Việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của con, đảm bảo được sự phát triển toàn diện của con cả về thể chất lẫn tinh thần. Hiện tại, các con đang được bà T nuôi dưỡng, chăm sóc nên cần tiếp tục giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp với nguyện vọng của các con nhằm ổn định cuộc sống của con, và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, đây là nghĩa vụ, trách nhiệm của bên không trực tiếp nuôi con sau ly hôn, tuy nhiên mức cấp dưỡng nuôi con còn phải căn cứ vào mức thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và

nhu cầu thiết yếu của con chung. Tại phiên tòa hôm nay, bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng là 3.000.000 đồng/03 con. HĐXX xét thấy phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với điều 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Minh T xác định vợ chồng bà không có tài sản chung và nợ chung. Ông Mai Đăng H vắng mặt nên không ghi nhận được kiến của ông về vấn đề này. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng bà Phạm Thị Minh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng ông Mai Đăng H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" của bà Phạm Thị Minh T đối với ông Mai Đăng H .

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Minh T được ly hôn ông Mai Đăng H .

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Minh T đối với ông Mai Đăng H nên giấy chứng nhận kết hôn số 15 do UBND phường M, quận S, TP. Đà Nẵng cấp cho bà Phạm Thị Minh T và ông Mai Đăng H ngày 09/03/2001 không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao 03 con chung Mai Chấn T – Sinh ngày: 04/12/2006; Mai Thạch T – sinh ngày: 29/06/2009 và Mai Thịnh M – sinh ngày: 06/01/2017 cho bà Phạm Thị Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu ông Mai Đăng H cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/03 con (1.000.000 đồng/tháng/con) cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Thời gian thực nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Án phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Phạm Thị Minh T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Phạm Thị Minh T đã nộp tại biên lai thu số 9612 ngày 17/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng. Bà Phạm Thị Minh T đã nộp đủ án phí.

4. Án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Mai Đăng H phải chịu.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- UBND phường M, quận S, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Trâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

THẨM

- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND quận N;*
- *Chi cục THADS quận N;*
- *UBND phường An Hải Tây,
Q. N, Tp. Đà Nẵng;*
- *Lưu hồ sơ,*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ TRÂM

